

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14 /7/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH TH**

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tuấn
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Quách Hà Vĩnh; bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022; Về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn TY, xã TC, huyện TT, TH. Có mặt

Bị đơn : Anh Bùi Văn N - Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn TY, xã TC, huyện TT, TH.

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021, bản tự khai ngày 20/04/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện TT, tỉnh TH vào ngày 05/01/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị TAND huyện TT giải quyết cho chị L được ly hôn anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Như Y (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 12/12/2009 và cháu Bùi chí Th (Giới tính: Nam), sinh ngày: 10/11/2013. Khi

ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, chị L không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị,

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Văn N để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Văn N. Giao 02 cháu cháu Bùi Như Y (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 12/12/2009 và cháu Bùi chí Th (Giới tính: Nam), sinh ngày: 10/11/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn N. Anh N cư trú tại huyện TT, tỉnh TH. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh N nhưng anh N vắng mặt không có lý do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh N và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Bùi Văn N theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh N đã được triệu tập đến tham gia hòa giải nhưng anh N vắng mặt. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh N cũng đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện TT, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng thường xuyên cãi nhau. Chị L và anh N đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ chị L và anh N đã không còn tình cảm gì với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L được ly hôn anh N là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L và anh N có 02 con chung là cháu Bùi Như Y sinh ngày: 12/12/2009 và cháu Bùi chí Th sinh ngày: 10/11/2013. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, chị L không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. HĐXX thấy: Từ năm 2020 chị L và anh N sống ly thân, cháu Bùi Như Y và cháu Bùi chí Th ở với chị L, được chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Theo nguyện vọng của cháu Bùi Như Y và cháu Bùi chí Th, nếu bố mẹ ly hôn cả hai cháu muốn ở với mẹ. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Đây là nguyện vọng chính đáng của chị L và các con. Nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu Bùi Như Y và cháu Bùi chí Th, HĐXX thấy chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị L là phù hợp. Giao hai cháu Bùi Như Y và cháu Bùi chí Th cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị L, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Như Y (Giới tính: Nữ), sinh ngày: 12/12/2009 và cháu Bùi chí Th (Giới tính: Nam), sinh ngày: 10/11/2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, theo biên lai số AA/2021/00075601 ngày 01/4/2022. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Thị L, Vắng mặt anh Bùi Văn N. Chị L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TT;
- Tòa án ND tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã TC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Hà Vĩnh

Bùi Văn Tuấn

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nơi nhận:

- VKSND huyện TT;
- Tòa án ND tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã TC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hồng Xuân

Bùi Văn Tuấn

Bùi Văn Hòa

